QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ VỀ KHẮC PHỤC CÁC RÀO CẢN THỂ CHẾ KINH TẾ ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030

Đỗ Đức Bình
Viện Thương mại và Kinh tế quốc tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: binhdd302@gmail.com

Ngày nhận: 07/3/2018
Ngày nhận bản sửa: 05/4/2018
Ngày duyệt đăng: 20/4/2018

Tóm tắt:
Thực tế phát triển của Việt Nam trong hơn 30 năm qua cho thấy thể chế kinh tế đã tạo ra nhiều động lực, đà mới thúc đẩy kinh tê-xã hội của Việt Nam phát triển và nhiều thành tựu đã được cộng đồng quốc tế công nhận. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy thể chế kinh tế hiện tại đang tạo ra nhiều rào cản đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, làm cho khoảng cách phát triển của Việt Nam và các nước trong khu vực ngày càng xa hơn. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp nhà nước KX.01.03/16-20, bài viết sẽ làm rõ các rào cản chủ yếu về thể chế kinh tế như rào cản về hệ thống chính sách pháp luật, rào cản về tổ chức bộ máy và rào cản đối với các chủ thể tham gia thị trường và đề xuất 05 nhóm giải pháp đột phá để khắc phục các rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam đến năm 2030.
Từ khóa: Rào cản thể chế kinh tế; Hạn chế, bất cập; Quan điểm , giải pháp đột phá.

Viewpoints and Solutions to Removing Economic Institutional Barriers to the Socio-economic Development of Vietnam to 2030

Abstract:
The development of Vietnam over the past 30 years has shown that economic institution has created many motives, momentum to promote socio-economic development of the country. However, the practice also shows that the current economic institution causes barriers to the socio-economic development of the country, making the development gap between Vietnam and other countries in the region bigger. Based on the research results of the national research project KX.01.03/16-20, this paper will clarify the key economic institutional barriers such as barriers to the legal policy system, organizational structure, market participants. The paper also provides five groups of breakthrough solutions to socio-economic development of Vietnam to 2030.
Keywords: Economic institutional barrier; limitations; viewpoint; solution.

1. Đặt vấn đề

Trong hơn 30 năm đổi mới, hội nhập quốc tế, trong đó có hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã đưa lại nhiều thành tựu to lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội những năm qua. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng bên cạnh việc tận dụng các cơ hội do phát triển và hội nhập mang lại, trong 30 năm qua, Việt Nam cũng bỏ lỡ nhiều cơ hội và chính các cơ hội này lại chuyển hóa thành thách thức mới làm

cho nền kinh tế và đất nước gặp phải không ít rủi ro, tổn thất. Từ đây đặt ra các yêu cầu cần phải nhận diện, đánh giá trúng và khách quan những hạn chế, bất cập về thể chế kinh tế, làm rõ nguồn gốc, nguyên nhân sinh ra các rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam trong hơn 30 năm đổi mới vừa qua. Trên cơ sở đó, đề xuất những quan điểm và giải pháp có tính đột phá về khắc phục các rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam đến năm 2030.

2. Khái quát các rào cản chủ yếu về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam trong hơn 30 năm đổi mới (1986-2018) và những nguyên nhân

2.1. Thực trạng các rào cản về thể chế kinh tế đối với sự phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam hiện nay

Những thành tựu trong xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã đạt được trong 30 năm qua là rất to lớn và không ai có thể phủ nhận. Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển của đất nước và của thời đại, thể chế kinh tế của Việt Nam vẫn tạo ra không ít các rào cản đối với phát triển kinh tế-xã hội của đất nước và tiến trình hội nhập quốc tế. Những rào cản chủ yếu là:

2.1.1. Thực trạng các rào cản xuất phát từ hệ thống luật pháp, chính sách của Nhà nước

Thứ nhất, 30 năm qua Việt Nam đã xây dựng và ban hành được rất nhiều Bộ luật, Luật và các văn bản pháp quy phục vụ cho việc tổ chức, quản lý và vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, chất lượng của hệ thống văn bản này chưa thật cao. Điều này được thể hiện ở nhiều khía cạnh, song dễ nhận biết nhất là nhiều Bộ luật và Luật mới ban hành đã phải sửa hoặc thay đổi, hay chưa ban hành được chỉ ra còn nhiều bất cập. Chẳng hạn, Luật Đất đai được ban hành năm 1993, đến năm 1998 đã sửa đổi, rồi năm 2001 sửa đổi tiếp. Sau đó là Luật đất đai năm 2003 và Luật đất đai năm 2013. Mặc dù vậy, Luật đất đai năm 2013 vẫn còn tới 20 điều bất cập, nhất là các vấn đề thuộc về: Thẩm quyền giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, định giá đất, thu hồi đất, tích tụ và tập trung ruộng đất...Điều đáng quan tâm nhất hiện nay của luật đất đai chính là quyền sở hữu. Đất đai là đầu vào đặc biệt quan trọng của mọi hoạt động sản xuất-kinh doanh của nền kinh tế, nhưng nó lại thuộc sở hữu toàn dân và chỉ duy nhất có một người đại diện cho chủ sở hữu đó là Nhà nước (Nhà nước cũng là một khái niệm rất chung), nên mấy chục năm nay hô hào hình thành thị trường đất đai, song thị trường đất đai đúng nghĩa không sao có thể hình thành được. Chính vì thế, đất đai là lãnh địa "béo bở" cho những người có chức, có quyền trong bộ máy Nhà nước tham nhũng và hành dân.

Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt được ban hành năm 1990, được sửa đổi 1993, 1995, sau đó có Luật thuế tiêu thụ đặc biệt năm 1998 và được sửa vào các năm 2003 và 2005. Tiếp đến là Luật thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2008 .v.v…Chính sự thay đổi nhiều của hệ thống luật pháp làm cho doanh nghiệp và người dân trở tay không kịp.

Thứ hai, không ít luật còn chồng chéo, mâu thuẫn nhau, chẳng hạn*:* Theo Luật Đầu tư**,** thủ tục quyết định chủ trương đầu tư không yêu cầu Nhà đầu tư phải nộp quyết định "Đánh giá tác động môi trường", nhưng Luật Bảo vệ môi trường lại quy định quyết định phê duyệt báo cáo về " Đánh giá tác động môi trường" là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định chủ đầu tư dự án. Sự chồng chéo, mâu thuẫn của các Luật như trên đã gây không ít khó khăn cho doanh nghiệp và người dân trong việc xử lý các vấn đề có liên quan.

Thứ ba, luật và chính sách đưa ra không sai, nhưng chưa phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước và nền kinh tế, nên rất khó thực thi trong thực tiễn. Chẳng hạn, Luật Phá sản là luật tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đang trong tình trạng khó khăn, thua lỗ có cơ hội rút khỏi thị trường một cách có trật tự, góp phần tái phân phối tài sản, thúc đẩy lưu thông vốn trong nền kinh tế, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động và các chủ nợ. Thế nhưng, theo thống kê, trong vòng 9 năm từ năm 2004 đến năm 2013 số lượng doanh nghiệp không còn hoạt động sản xuất-kinh doanh cần được giải thể là khoảng 140.000 doanh nghiệp, song chỉ giải quyết được có 336 doanh nghiệp.

Thứ tư, một số điều của luật và chính sách chưa thật phù hợp với các thông lệ quốc tế. Điều này còn thể hiện khá rõ ở nhiều Bộ luật và Luật ở nước ta, từ Luật Hình sự, Dân sự... cho đến luật Đất đai, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế...

2.1.2. Thực trạng các rào cản phát sinh từ bộ máy Nhà nước và cơ chế hoạt động của bộ máy Nhà nước

Thứ nhất, tuy đã có nhiều nghiên cứu, đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý đối với hoạt động của nền kinh tế cho ngày càng hợp lý hơn, song cho đến nay, cơ chế quản lý kinh tế của Nhà nước ta còn quá cồng

Bảng 1: Bộ máy của Chính phủ Mỹ - Nhật - Việt Nam 2016

Đơn vị tính: Người

Tiêu chí	Mỹ	Nhật	Việt Nam
1-Dân số (tr.người)	325	127	93
2-Thủ tướng	1	1	1
3-Phó Thủ tướng	1	0	5
4-Bộ trưởng	15	16	22
5-Thứ trưởng	14	16	130

Nguồn: nhóm nghiên cứu tổng hợp

kềnh, phân tán và phức tạp. Theo tính toán, hiện tại cả nước có khoảng 23.000 đầu mối cơ quan có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật (trong đó có Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước, Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Thủ tướng Chính phủ; 23 Bộ và Cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân của 63 đơn vị hành chính cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân của 700 đơn vị hành chính cấp huyện, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân của 11.000 đơn vị hành chính cấp xã, với 20 loại văn bản quy phạm khác nhau. Điều này đã dẫn đến tình trạng là loạn văn bản pháp quy, nhiều văn bản chồng chéo, bất hợp lý.

Thứ hai, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức rất đông, nhưng không mạnh về năng lực. Hiện tại, có khoảng 2,8 triệu cán bộ công viên chức. Còn theo công bố của Trưởng Ban tổ chức Trung ương ngày 29/11/2017, tại Hội nghị triển khai Nghị quyết Hội Nghị Trung ương 6 khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả", thì cả nước (chưa kể lực lượng vũ trang) hiện có 4 triệu người ăn lương (trong khi nước Mỹ có diện tích lớn gần gấp 30 lần nước ta, dân số gấp gần 4 lần, song họ chỉ có 2,1 triệu người), nhưng hiệu lực và hiệu quả hoạt động khá hạn chế.

Bảng 1 cho thấy, Bộ máy Chính phủ của Mỹ chỉ có 31 người, của Nhật 33 người, còn của Việt Nam tới 158 người, nhiều hơn Mỹ 5 lần và nhiều hơn Nhật 4,7 lần. Đội ngũ công chức đông Việt Nam năng lực chuyên môn thấp, nhưng tình trạng những nhiễu, tham nhũng đang khá phổ biến và có xu hướng gia tăng trong đội ngũ này. Theo báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do VCCI công bố ngày 13/3/2017 có 4 điều đáng chú ý như sau:

- Có 66% doanh nghiệp tại các tỉnh thuộc tốp giữa phải "móc hầu bao" cho các khoản không chính thức, cao hơn 12-15% so với giai đoạn 2008-2013;

- Có 9-11% doanh nghiệp tham gia điều tra cho biết khoản chi không chính thức chiếm 10% tổng doanh thu của họ (trung bình là 5-10%) cao hơn mức 6-8% của 5 năm trước;

- Tình trạng những nhiễu khi làm các thủ tục cho doanh nghiệp tuy có giảm, song vẫn ở mức rất cao. Giai đoạn 2008-2013 là 65%, năm 2016 là 58%;

- 25% doanh nghiệp FDI thừa nhận đã bôi trơn để có được giấy phép đầu tư và 13,6% trả hoa hồng khi cạnh tranh để giành hợp đồng,

Điều rất đáng quan ngại của một bộ phận công chức ở các cấp, các ngành hiện nay, một mặt là sự vô trách nhiệm đối với công việc được giao đảm trách, và vô cảm đối với cuộc sống của người dân. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh mới đây (09/2017) chỉ trong 1 giờ giải quyết xong vụ kiện tranh chấp đất đai kéo dài 20 năm qua ở huyện Bình Chánh, và Thanh tra Chính phủ cũng trong 1 giờ giải quyết xong vụ khiếu nại có liên quan đến dự án treo kéo dài 14 năm ở tỉnh Đồng Nai đã phần nào cho thấy rõ điều này. Vụ lâm tặc phá rừng ở huyện An Lão, tỉnh Bình Định cũng là một điển hình của sự vô trách nhiệm của đội ngũ công chức ăn lương của nhà nước.

Mặt khác là tình trạng trên bảo dưới không nghe, hoặc nghe, nhưng không làm. Năm 2016, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc lên làm việc với các tỉnh Tây Nguyên và tuyên bố thực hiện việc đóng cửa rừng tự nhiên. Thế nhưng, theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn thì sau khi lệnh của Thủ tướng ban bố một năm, diện tích rừng ở khu vực này bị phá còn tăng hơn 10%. Tình trạng phá rừng là một minh chứng cho tình trạng "trên nóng, dưới lạnh, trên bảo dưới không nghe". Gần đây, trong hai ngày 30-31/3/2018, báo chí phản ánh 03 vụ phá rừng tự nhiên, rừng phòng hộ một cách hủy diệt, không thương tiếc ở hai huyện Nam Giang và Đông Giang thuộc tỉnh Quảng Nam thực sự là báo động cho tình trạng "Rừng vẫn chưa được đóng".

Thứ ba, bộ máy quản lý Nhà nước các cấp còn can thiệp quá sâu vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp, đặc biệt là trong việc phân bổ các nguồn lực đất đai, vốn, trong việc khống chế các loại giá như giá điện, xăng dầu, than hoặc giá dịch vụ công như học phí, viện phí, trần lãi suất, trần tỷ giá, và mới đây là trần vé máy bay.v.v… Sự can thiệp của bộ máy Nhà nước đã phần nào làm cho thị trường bị méo mó và gây nản lòng đối với các doanh nghiệp.

2.1.3. Thực trạng các rào cản sinh ra từ cơ chế hình thành và vận hành các loại thị trường trong nền kinh tế

Các loại thị trường được xây dựng đầy đủ là một nỗ lực rất lớn của Việt Nam trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, do cơ chế hình thành và vận hành các loại thị trường còn nhiều bất cập, nên quá trình hoạt động của các loại thị trường đã tạo ra không ít rào cản đối với các chủ thể tham gia thị trường:

Một là, các loại thị trường thực hiện việc cung cấp đầu vào và giải quyết đầu ra cho mọi hoạt động sản xuất-kinh doanh-dịch vụ của nền kinh tế, bảo đảm cho nền kinh tế vận hành thông suốt, mang lại hiệu quả cao cho cả nền kinh tế, cũng như cho mỗi chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế. Muốn làm được điều đó, các loại thị trường không những phải đầy đủ, mà còn phải đồng bộ và tương tác, hỗ trợ cho nhau. Nhưng do nhận thức về vai trò của từng loại thị trường trong nền kinh tế chưa thật chuẩn, nên có loại thị trường (hoặc từng bộ phận của mỗi loại thị trường) thì được ưu ái, tạo điều kiện cho phát triển, có loại thì để tự hình thành, thậm chí còn tìm cách hạn chế. Vì thế, tuy các loại thị trường đã được hình thành, song lại không đồng bộ. Có loại thị trường thì phát triển tương đối khá như thị trường các loại hàng hóa- dịch vụ, thị trường tài chính, thị trường bất động sản, nhưng cũng có thị trường còn rất sơ khai như thị trường khoa học-công nghệ, thị trường lao động. Do đó các thị trường trên thực tiễn chưa hỗ trợ, tạo điều kiện được cho nhau. đôi khi lại còn cản trở lẫn nhau. Hậu quả của sự không đồng bộ này đã làm cho các tác nhân tham gia thị trường phải gánh chịu.

Hai là, có những thị trường, hay yếu tố của thị trường được cho ra đời gượng ép, không đúng với quy luật, do đó làm cho loại thị trường này (hay yếu tố của nó) hoặc là không hình thành được, hoặc là hình thành một cách méo mó, tác động xấu đến sự phát triển chung của kinh tế-xã hội nước nhà. Thị trường đất đai là một điển hình. Thị trường được hình thành trên chế độ đa sở hữu, đặc biệt là sở hữu tư nhân. Thị trường đất đai của Việt Nam, chỉ có một chủ sở hữu là sở hữu toàn dân, do Nhà nước là người đại diện. Để khắc phục điều này, chúng ta đưa ra khái niệm "thị trường quyền sử dụng đất". Nhưng hiện tại, Việt Nam chưa có thị trường sơ cấp về quyền sử dụng đất. Việc cấp đất, giao đất, cho thuê đất,... vẫn thực hiện bằng biện pháp hành chính. Thị trường sơ cấp đất đai đang tồn tại rất hạn chế, chia cắt; méo mó, sai lệch và thường thiên về đầu cơ, v.v...Điều này làm cho doanh nghiệp và người dân rất khó tiếp cận với nguồn lực đất đai, trong khi đó thị trường ngầm về đất đai, tham nhũng từ đất đai lại rất nặng nề.

Ba là, đồng ý cho hình thành và phát triển các loại thị trường, song không xử lý các điều kiện có liên quan, nên thị trường rất khó ra đời, hoặc có ra đời được thì khá què quặt, đơn điệu, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của các chủ thể tham gia hoạt động trên thị trường. Thị trường lao động là một điển hình. Các thành phố lớn, các khu công nghiệp tập trung là nơi cần nhiều lao động trẻ, khỏe, có kiến thức, nhưng người lao động đến đây không được nhập khẩu, không được mua nhà, không được thụ hưởng các dịch vụ công về giáo dục, về chăm sóc sức khỏe, về văn hóa.v.v…và như vậy thị trường lao động theo đúng nghĩa không thể hình thành và phát triển được.

Chính do một số loại thị trường chậm hình thành và phát triển, hoặc vận hành còn nhiều vướng mắc, kém hiệu quả, giá cả một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu như giá điện, nước, xăng dầu,.. chưa được xác lập thật sự theo cơ chế thị trường, nên đã tạo ra rào cản đối với việc thực hiện tự do cạnh tranh, tự do kinh doanh của các chủ thể tham gia thị trường.

2.1.4. Rào cản đối với các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế

Tuy chủ trương, chính sách đối với các thành phần kinh tế (các tác nhân tham gia nền kinh tế) đã

có những thay đổi trong 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, song khoảng cách giữa chủ trương và thực thi trong thực tiễn là còn khá xa, chẳng hạn:

Hệ thống doanh nghiệp nhà nước hoạt động hiệu quả thấp, thua lỗ, thất thoát, tham nhũng hết sức nặng nề, điển hình như: Nhà máy Đạm Ninh Bình 12.000 tỷ, Gang thép Thái Nguyên 8.104 tỷ, Xơ sợi Đình Vũ 7.000 tỷ,.v.v...hay 217 công ty nông- lâm nghiệp quản lý 1.938.338 ha đất, nhưng lợi nhuận làm ra trên 1 ha bình quân chỉ được 1.442.988 đồng/ năm. Thế nhưng, mọi nguồn lực phát triển Nhà nước đều ưu tiên cho thành phần kinh tế này.

Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được hưởng nhiều chính sách ưu đãi quá mức, làm cho khu vực kinh tế này vốn đã có nhiều lợi thế, lại lợi thế hơn, còn khu vực kinh tế trong nước, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân vốn đã nhỏ bé, khó khăn, càng khó khăn hơn. Vì vậy, thua thiệt trong cạnh tranh ngay trên sân nhà là điều khó tránh khỏi.

Kinh tế tư nhân trên văn bản thì đã được thừa nhận là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế, song trên thực tiễn vẫn bị phân biệt đối xử khá nặng nề. Theo kết quả điều tra của VCCI đối với các doanh nghiệp tư nhân thì có 27% số doanh nghiệp cho biết doanh nghiệp nhà nước có thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai và vay vốn tín dụng; khoảng 20% cho biết doanh nghiệp nhà nước dễ dàng hơn trong tiếp cận tài nguyên khoáng sản và trong giải quyết các thủ tục hành chính; 35% cho rằng thuận lợi hơn trong lĩnh vực mua sắm công. Do còn bị phân biệt đối xử trong tiếp cận một số nguồn lực xã hội, trong đó có đất đai, tín dụng, nên hiệu quả hoạt động của các chủ thể kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân còn nhiều hạn chế. Thêm vào đó, cải cách hành chính còn chậm, môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thực sự thông thoáng, mức độ minh bạch, ổn định chưa cao, quyền tự do kinh doanh chưa được tôn trọng đầy đủ và quyền sở hữu tài sản chưa được bảo đảm thực thi nghiêm minh. Tất cả điều đó tất yếu dẫn đến không phát huy được sức mạnh và tiềm năng của doanh nghiệp tư nhân và do đó, kinh tế tư nhân chưa thực sự trở thành động lực quan trọng trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

2.1.5. Các rào cản xuất phát từ các quy tắc do cộng đồng quy định

Các quy tắc do cộng đồng dân cư quy định đối với các chủ thể (tại địa bàn của mình) tham gia hoạt động sản xuất - kinh doanh trên thị trường (trong và ngoài địa phương), có nhiều điều rất tốt, trong thời đại ngày nay vẫn giữ nguyên giá trị, như các quy định: Phải thật thà, phải biết giữ chữ tín trong làm ăn, phải liên kết với nhau trong kinh doanh "buôn có bạn, bán có phường". v.v… Tuy nhiên, cũng có những quy tắc ngày nay không còn phù hợp nữa, thậm chí còn tạo ra rào cản đối với sự phát triển, chẳng hạn: Quy tắc cấm con gái đi lấy chồng mang nghề của cha ông, của làng xóm truyền cho bên chồng, hay quy tắc bằng mọi giá con cháu phải giữ lấy "cái nghề" của tổ tiên để lại. v.v…Cần phải xem cái không còn phù hợp, không có nhu cầu nữa thì cũng không nên giữ.

2.2. Đánh giá tác động của rào cản về thể chế kinh tế đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam hiện nay

Các rào cản về thể chế kinh tế như trình bày ở trên đã gây tác động rất không tốt đối với sự quản lý điều hành nền kinh tế của Nhà nước và quá trình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, cụ thể:

2.2.1. Tác động đến vận hành và điều hành nền kinh tế

Về vận hành nền kinh tế, vì môi trường pháp lý chưa được tạo dựng đầy đủ, đồng bộ, chất lượng chưa cao và chưa thật sự hội nhập tốt với quốc tế, nên nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam vận hành khá khó khăn, lúc thông, lúc tắc, nơi thông, nơi tắc. Cụ thể là, khâu nào, lĩnh vực nào, địa phương nào, thời điểm nào cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính thông thoáng, phù hợp với tình hình thực tiễn của đất nước và phù hợp với các thông lệ quốc tế, thì việc vận hành của nền kinh tế sẽ diễn ra trôi chảy, các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế thị trường sẽ tích cực mở rộng các hoạt động đầu tư, sản xuất - kinh doanh - dịch vụ. Nền kinh tế phát triển, doanh nghiệp và người dân đều có lợi. Ngược lại, khâu nào, lĩnh vực nào, địa phương nào, thời điểm nào, cơ chế, chính sách, thủ tục không thông thoáng, không phù hợp với tình hình thực tiễn trong nước và các thông lệ quốc tế sẽ làm cho các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nản lòng, không tích cực tham gia đầu tư vào hoạt động sản xuất - kinh doanh, từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế nước nhà.

Về điều hành nền kinh tế, do bộ máy quản lý của nhà nước cồng kềnh, đông, nhưng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ lại hạn chế, cộng với sự rối rắm về cơ chế và thủ tục hành chính, nên việc điều hành nền

kinh tế không đạt được mục tiêu và hiệu quả như mong muốn. Những rào cản về thể chế kinh tế (như nêu ở trên) đã dẫn đến một hậu quả hết sức nghiêm trọng đối với việc điều hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thời gian qua là hiệu lực, hiệu quả điều hành khá thấp. Tình trạng "trên bảo dưới không nghe", tình trạng "cát cứ" đang khá phổ biến. Sáu mươi ba tỉnh, thành phố là 63 nền kinh tế "riêng biệt", không dễ thống nhất và cũng không dễ điều hành đối với Chính phủ Trung ương.

Việc Thủ tướng Chính phủ phải thành lập một tổ công tác đặc biệt do Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ làm tổ trưởng, có nhiệm vụ chuyên đi kiểm tra, đôn đốc các Bộ, Ngành, các tỉnh và thành phố phải thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chỉ thị của Thủ tướng và các Phó Thủ tướng, hay đích thân Thủ tướng phải thường xuyên đi các Bộ, Ngành, các địa phương kiểm tra, hô hào, kêu gọi phải thực hiện tốt việc này, việc kia, v.v… đã cho thấy rõ phần nào hiệu lực, hiệu quả của việc điều hành nền kinh tế của bộ máy quản lý Nhà nước. Có thể nói, chưa bao giờ các rào cản về thể chế kinh tế lại bộc lộ toàn diện, rõ nét như hiện nay, và cũng chưa bao giờ các rào cản ấy lại có tác động xấu và mạnh mẽ đến vận hành và điều hành kinh tế - xã hội của đất nước như trong thời gian vừa qua. Đây có thể coi là điều báo động rất đáng được các cơ quan có trách nhiệm của Đảng và Nhà nước lưu ý.

2.2.2. Tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội

Có thể khẳng định ngay rằng, các rào cản về thể chế kinh tế nêu trên đã có ảnh hưởng rất lớn và ảnh hưởng nhiều mặt đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam thời gian qua, trong đó đáng chú ý là: (i) các rào cản do thể chế kinh tế gây ra đã làm nản lòng các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế; (ii) làm giảm khả năng cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam (cả sản phẩm, ngành hàng, doanh nghiệp và quốc gia); (iii) làm lãng phí, thất thoát các nguồn lực phát triển của đất nước; (iv) làm tha hóa đội ngũ doanh nhân, những người kinh doanh và đội ngũ công chức của đất nước. Đối với đội ngũ doanh nhân và những người kinh doanh nhỏ lẻ, do hệ thống luật, cơ chế và chính sách của Đảng và Nhà nước chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ và chặt chẽ, nên đã tạo ra những kẽ hở, làm cho không ít chủ doanh nghiệp và người kinh doanh nhỏ lẻ tìm cách lợi dụng, khai thác, lách luật để làm giàu nhanh chóng. Đối với đội ngũ công chức, đây là đội ngũ đông, bộ máy tổ chức cồng kềnh, cơ chế và các thủ tục quản lý hành chính phức tạp, rắm rối, mức lương thấp, tất cả những điều này đã tạo ra môi trường cho nhiều công chức đi vào con đường tha hóa. Người thì dựa vào kẽ hở của luật pháp và cơ chế tạo điều kiện cho những kẻ làm ăn bất chính hoạt động, để rồi kiếm lợi cho bản thân mình; người thì dựa vào sự rối rắm của cơ chế và thủ tục hành chính để gây khó dễ cho doanh nghiệp và người dân nhằm nhận hối lộ; kẻ nắm quyền thì ban phát ân huệ để thu lợi. Cấp trên làm được thì cấp dưới cũng làm theo; lãnh đạo làm được thì nhân viên cũng làm theo. Sự tha hóa của đội ngũ công chức đã được thể hiện phần nào qua số đảng viên bị thi hành kỷ luật thời gian qua. Theo Báo cáo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng, năm 2012 đã có 16.000 đảng viên trong cả nước bị kỷ luật; năm 2013, con số đó là 21.000 người và năm 2014 là 17.000 người, tổng cộng 3 năm là 54.000 người. Từ năm 2015 đến nay, con số đó còn nhiều hơn, trong đó có cả những cán bộ cao cấp. Đội ngũ công chức nhà nước mà bị tha hóa có thể coi là thảm họa của đất nước; và (v) lòng tin của dân đối với Đảng và Nhà nước giảm sút, hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế bị ảnh hưởng.

Khái quát lại, có thể khẳng định các rào cản do thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo ra cho Việt Nam là không ít và ảnh hưởng của nó đối với phát triển kinh tế - xã hội là không nhỏ.

2.3. Nguồn gốc sinh ra rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam

Xác định đúng nguồn gốc sinh ra các rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam là điều rất quan trọng và cấp bách, bởi vì chỉ khi nhận diện đúng các nguyên nhân, mới cho phép đưa ra quan điểm, giải pháp khắc phục trúng và hiệu quả để phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam đến năm 2030.

Có nhiều nguyên nhân sinh ra các rào cản về thể chế kinh tế, có thể chỉ ra một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Một là, về khách quan, do tác động của kinh tế thị trường và do tác động của hội nhập kinh tế quốc tế.

Hai là, về chủ quan: do chưa xác định đúng vai trò của Đảng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh mới, nên thể chế chính trị chậm thay đổi; Do hạn chế về tầm nhìn và tư duy phát triển; do nhận thức về nền kinh tế thị trường chưa rõ ràng, chưa tìm ra được tư duy lý luận hiện đại đi cùng với thời đại - đây là nguyên nhân, là rào cản lớn nhất cản trở đổi mới, cộng thêm tâm lý "an toàn", cải cách "từng bước" với tốc chậm, nên bỏ lỡ nhiều cơ hội; Do tư duy về xây dựng và thực thi luật pháp, chính

sách còn nhiều bất cập; Tư duy và quan hệ lợi ích, tác động của lợi ích nhóm đối với việc xây dựng luật pháp, chính sách; Năng lực, trình độ của bộ máy cầm quyền, của đội ngũ cán bộ trong việc xây dựng và thực thi luật pháp, chính sách; Năng lực và trình độ tham gia của doanh nghiệp và người dân vào quá trình hoạch định, hoàn thiện và thực thi chính sách để bảo đảm sự đồng bộ giữa chính sách và chương trình của nhà nước của dân chúng (năng lực nhận thức, năng lực trí tuệ, năng lực tài chính…).

3. Quan điểm và giải pháp đột phá về khắc phục rào cản thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đến năm 2030

3.1. Các quan điểm

Quan điểm 1: *Việc khắc phục rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam phải được coi là nhân tố quyết định tạo ra động lực mới bảo đảm tăng trưởng nhanh, bền vững, phù hợp với các quy luật của kinh tế thị trường.*

Quan điểm này đòi hỏi phải có tư duy đột phá trong tháo gỡ các rào cản, trước hết là rào cản về thể chế kinh tế để tạo điều kiện thuận lợi và thông thoáng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước phù hợp với những điều kiện, bối cảnh mới của quốc tế, khu vực và trong nước nhằm: tận dụng tốt các cơ hội, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; vượt qua những thách thức, khó khăn tạo đà mới cho sự phát triển của đất nước.

Quan điểm 2: Việc khắc phục các rào cản về thể chế kinh tế ở Việt Nam phải được gắn liền với quá trình hoàn thiện thể chế chính trị thì mới thực sự bảo đảm tính hiệu lực và hiệu quả.

Quán triệt quan điểm trên, việc hoàn thiện thể chế chính trị đòi hỏi: (i) cần thay đổi phương thức lãnh đạo của Đảng, chỉnh đốn và xây dựng lại Đảng về tổ chức, để Đảng thật sự đại diện cho ý chí và lợi ích của nhân dân, là trí tuệ và lương tâm của dân tộc, gắn bó với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm, từ đó tạo nên sự đồng thuận cao trong xã hội, phát huy tiềm năng, sức mạnh của toàn dân tộc hướng vào mục tiêu chung dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Không để người dân đứng ngoài quá trình phát triển, kể cả quá trình hoạch định chiến lược, chính sách đến tổ chức và kiểm tra thực hiện; (ii) Cần có các luật để thực hiện việc giám sát quyền lực, phân định rõ ràng ba quyền: quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp trong Nhà nước dân chủ đích thực của Việt Nam. Phân định rõ phương thức lãnh đạo của Đảng với vai trò không thể "làm thay" của từng thành tố trong "Nhà nước, Thị trường và xã hội". Tăng cường sự giám sát của người dân trong chế độ dân chủ, bầu cử đích thực. Công khai, minh bạch, thực hiện rộng rãi và thường xuyên trách nhiệm giải trình. Mọi công dân đều phải tuân thủ pháp luật. Trong đổi mới chính trị, đặc biệt quan tâm tới đổi mới công tác cán bộ, tuyển chọn cán bộ theo cách dân chủ thực chất hơn, đúng với tiêu chuẩn hơn, chọn đúng người thật sự có tâm, có tầm và có tài được đánh giá qua thực tiễn, bố trí đúng người đúng việc, có vào có ra, có lên có xuống, triệt để chống tình trạng "mua quan bán chức".

Đáp ứng hai yêu cầu trên, trong những năm tới, cần mạnh dạn đổi mới tổ chức hệ thống chính trị của nước ta hiện nay theo hướng: Đối với Đảng, kiên quyết loại bỏ những đảng viên yếu kém ra khỏi hàng ngũ của Đảng, tập trung nâng cao năng lực tổ chức, quản lý, lãnh đạo của tổ chức Đảng các cấp, từ đó lấy lại lòng tin của nhân dân về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đất nước, với dân tộc; Đối với các tổ chức chính trị - xã hội, trước hết không nên coi cán bộ của họ là công chức nhà nước nữa và không nên dùng ngân sách nhà nước để trang trải cho mọi hoạt động của các tổ chức đó. Các tổ chức chính trị - xã hội phải chuyển dần sang tự trang trải lấy mọi chi phí hoạt động của tổ chức mình.

Quan điểm 3: Việc khắc phục các rào cản về thể chế kinh tế của Việt Nam phải nhằm phát huy có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Quán triệt quan điểm này đòi hỏi phải tập trung khắc phục các rào cản liên quan đến sở hữu (trong đó có đất đai), đến quyền tự do kinh doanh và tự do cạnh tranh của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế thị trường; mặt khác, phải có nhận thức đúng về mối quan hệ giữa hội nhập kinh tế quốc tế và độc lập tự chủ về kinh tế. Cần thấy rằng hội nhập và độc lập tự chủ có sự thống nhất biện chứng. Nếu quá nhấn mạnh mặt này mà coi nhẹ mặt kia đều mang lại bất lợi cho sự phát triển của đất nước (Lương Xuân Quỳ & Đỗ Đức Bình, 2010).

Quan điểm 4: Việc khắc phục các rào cản về thể chế kinh tế của Việt Nam phải hướng vào việc tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho hoạt động của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

Thực hiện quan điểm này đòi hỏi việc xây dựng thể chế kinh tế mới cũng như khắc phục những rào cản về thể chế hiện hành đang gây cản trở cho sự phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế của

Việt Nam phải theo hướng cho phép phát huy tốt nhất vai trò của nhà nước, doanh nghiệp và người dân trong nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế một cách hiệu quả và bền vững, tạo ra sự đồng thuận trong xã hội để vượt qua thách thức, chủ động, tích cực hội nhập vào nền kinh tế các quốc gia trong khu vực và toàn cầu. Thể chế đó phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết hợp các nguồn nội lực với ngoại lực, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới thành nguồn lực tổng hợp để đưa nước ta sớm trở thành nước công nghiệp (Lương Xuân Quỳ, 2015).

Quan điểm 5: Việc khắc phục rào cản về thể chế kinh tế của Việt Nam phải tuân thủ, phù hợp với các thể chế kinh tế quốc tế, trước hết là các cam kết quốc tế Việt Nam đã ký và tham gia.

Quán triệt quan điểm này đòi hỏi việc khắc phục các rào cản về thể chế kinh tế trong điều kiện mới của hội nhập và phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam phải nhằm làm cho các thể chế này vừa bảo đảm các yêu cầu có tính nguyên tắc, tuân thủ, phù hợp với định chế khu vực và quốc tế và thông lệ quốc tế; vừa cho phép các bên tham gia hội nhập có khả năng phản ứng linh hoạt, mềm dẻo, phù hợp với thông lệ quốc tế trong các quan hệ hợp tác, liên kết kinh tế quốc tế khu vực và toàn cầu, trên cơ sở lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất, hạn chế tối đa hiệu ứng không tích cực do chu kỳ kinh tế và khủng hoảng kinh tế, biến đổi khí hậu gây ra, góp phần thực hiện tiến bộ công bằng xã hội (Lương Xuân Quỳ, 2015).

3.2. Một số giải pháp khắc phục rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam đến năm 2030

3.2.1. Nhóm giải pháp đổi mới tư duy nhận thức và quan hệ lợi ích

Một là, đổi mới nhận thức và tư duy về phát triển kinh tế-xã hội đất nước phù hợp với bối cảnh mới. Theo đó, đòi hỏi:

(i) Cần nhận thức đúng về chủ nghĩa xã hội (đúng hơn là Chủ nghĩa cộng sản). Xã hội cộng sản như C. Mác đã chỉ ra, trên tất cả các phương diện, thực tế cho đến giờ phút này chưa xuất hiện trong xã hội loài người (ở một số nước phát triển mới xuất hiện một số yếu tố ban đầu) và với xu thế hiện nay- sự phát triển theo mô hình kinh tế thị trường đã trở thành xu hướng tất yếu và được đa số các quốc gia lựa chọn. Do đó, xã hội cộng sản chủ nghĩa khó có thể xuất hiện sớm trong thời gian tới. Còn định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng cộng sản Việt Nam lựa chọn và đưa ra, theo chúng tôi cũng cần phải hiểu cho đúng. Trước hết, nó không phải là chủ nghĩa xã hội công hữu, vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung như mô hình của Liên Xô cũ, mà là mô hình gồm 3 đặc điểm như C.Mác đã nêu. Thứ hai, định hướng tức là nhằm đạt tới đích đó (đích C. Mác đã nêu), nhưng không thể trong thời gian ngắn có thể đến được (Cũng có thể mất hàng trăm năm như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nói, song cũng có thể còn lâu hơn rất nhiều). Nhận thức đúng và khách quan về điều này là hết sức quan trọng, nó sẽ giúp chúng ta không mơ hồ, không lạc quan tếu, không lẫn lộn đối với nền kinh tế chúng ta đang xây dựng hiện nay, và quan trọng hơn, không dựa vào đó để áp đặt trong việc đưa ra các luật lệ, các chính sách và cơ chế kinh tế và cơ chế quản lý không phù hợp, tạo thành rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

(ii) Cần nhận thức đúng về Chủ nghĩa tư bản hiện đại. Chủ nghĩa tư bản xuất hiện trong xã hội loài người đã trên 300 năm. Trong hơn 300 năm ấy, nhờ biết dựa vào những thành tựu của sự phát triển khoa học và công nghệ, coi trọng năng suất lao động, tăng năng suất lao động và năng lực trình độ quản lý và quản trị đất nước, nên chủ nghĩa tư bản đã giải quyết tốt và có hiệu quả các mâu thuẫn trong xã hội để tồn tại và phát triển mạnh mẽ như những năm qua. Thực tế đã chỉ ra rằng Chủ nghĩa tư bản đã trải qua nhiều lần cải cách, điều chỉnh về sự can thiệp, quản lý của nhà nước vào nền kinh tế thông qua các chính sách kinh tế, chính sách tài chính tín dụng và tiền tệ, v.v… để phù hợp với tiến trình phát triển chung của nhân loại. Hiểu rõ điều này để nhận thức đúng và khách quan rằng hiện nay Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng với khu vực và thế giới nhằm huy động và tận dụng các nguồn ngoại lực, kết hợp với nguồn nội lực thành sức mạnh tổng hợp để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, học hỏi và sử dụng những tinh hoa của nhân loại, nhất là của các nước tư bản hiện đại là phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đã lựa chọn.

(iii) Cần nhận thức đúng vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đất nước và dân tộc trong thời kỳ mới. Trong hơn 30 năm thực hiện đổi mới, vẫn chưa có những thay đổi đáng kể trong nhận thức về vai trò lãnh đạo của Đảng (Đảng vẫn làm thay hoặc can thiệp quá sâu vào các công việc của Nhà nước). Một trong những vấn đề có tính quyết định là phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước,

Chính phủ và các tổ chức chính trị xã hội khác trên cơ sở tuân thủ và thực hiện Nhà nước pháp quyền. Khi nói về chuyển sang thể chế kinh tế thị trường, thì cần coi định hướng chính là sự quản lý của Nhà nước như một mục tiêu cao cả, nhân văn, tác động mạnh mẽ đến việc phân phối và phân phối lại, nhưng thể chế kinh tế thị trường phải được thực hiện theo thông lệ quốc tế, theo kinh nghiệm của nhân loại. Những đặc điểm đặc thù phải được xác định tùy thuộc vào các quy luật phổ quát và kinh nghiệm của kinh tế thế giới. Cần tránh lấy đặc điểm đặc thù thay cho các quy luật phổ biến trong kinh tế;

(iv) Cần nhận thức đúng về hội nhập quốc tế trong bối cảnh mới. Hội nhập để tham gia vào sân chơi chung trong khu vực và toàn cầu, để tận dụng được tốt nhất các cơ hội và giảm thiểu được nhiều nhất các rủi ro từ hội nhập quốc tế, trên cơ sở đó thu hút được tối đa các nguồn lực từ bên ngoài, nhất là nguồn lực tài chính và công nghệ cao để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cũng cần có những đổi mới, những nhận thức đúng về vấn đề này trong thời kỳ mới, cụ thể là:

- Trong tiếp nhận các nguồn lực từ bên ngoài (nhất là vốn và công nghệ) phải có sự cân nhắc, lựa chọn một cách nghiêm túc (các điều kiện được vay, được nhận vốn, mức độ hiện đại của các loại công nghệ);

- Hội nhập có quan hệ tốt - thân thiện - chân thành với các quốc gia, các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế và khu vực, đặc biệt là các nước và các tổ chức quốc tế lớn, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của thế giới và từng khu vực là rất cần, là đòi hỏi tất yếu để phát triển đất nước. Tuy nhiên, kiên quyết không vì sự thân thiện, sự chân thành, hữu hảo mà để phụ thuộc vào đối tác, bị họ cô lập, hay bị lôi cuốn vào các cuộc chơi vì lợi ích riêng của họ.

Hai là, đổi mới tư duy nhận thức về vận hành, thực thi thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.

Với xu thế tất yếu phải xây dựng cho được một "Nhà nước kiến tạo", "Chính phủ kiến tạo, hành động và liêm chính", trong điều kiện Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng và toàn diện vào nền kinh tế các quốc gia trong khu vực và toàn cầu, thì việc chấp nhận và nhanh chóng tạo ra một cơ chế tự do cạnh tranh thị trường với tư cách là cơ chế cơ bản để vận hành thể chế kinh tế và nền kinh tế thị trường ở Việt nam là hết sức cấp bách. Việc tăng cường áp dụng cơ chế cạnh tranh thị trường phải được thay thế nhiều hơn cho sự can thiệp, quản lý của Nhà nước, Chính phủ. Tức là Nhà nước phải dần rút ra khỏi những lĩnh vực, những "việc" mà thị trường điều tiết có hiệu quả hơn. Để cơ chế cạnh tranh thị trường thực thi có hiệu quả, cần phải thực hiện đồng bộ và nhất quán cả hai vấn đề sau: (i) Tăng cường vai trò, chức năng của thị trường trong việc điều tiết và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực cho sự phát triển và (ii) Nhà nước phải tự điều chỉnh và được điều chỉnh vai trò, nhiệm vụ của mình cho phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập và cạnh tranh quốc tế.

Thực hiện đồng bộ và hiệu quả hai vấn đề nêu trên đồng nghĩa với việc phải làm cho nền kinh tế vận hành và tuân thủ theo đúng các nguyên tắc của kinh tế thị trường. Một trong những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường là cạnh tranh, chính cạnh tranh là động lực thúc đẩy kinh tế thị trường phát triển. Mọi hành động can thiệp mang tính chủ quan áp đặt, vi phạm các nguyên tắc của kinh tế thị trường sẽ làm méo mó, cản trở sự phát triển của kinh tế thị trường và tất yếu sẽ gây ra những rủi ro, bất ổn cả về kinh tế, chính trị, xã hội.

Ba là, tăng cường năng lực, trình độ và ý thức trách nhiệm của người lãnh đạo quyết định thể chế. Ở Việt Nam, trong những năm gần đây đã chú trọng nhiều hơn đến quyền tự do kinh doanh của các chủ thể kinh tế thuộc các loại hình doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế khác nhau. Điều đó, thể hiện ở chỗ các văn bản pháp luật đã dần dần từng bước làm cho kinh doanh được luật hoá bằng Luật cạnh tranh (có hiệu lực thực thi năm 2005), Hiến pháp năm 2013 và Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư sửa đổi năm 2015. Theo của các luật này, thì mọi cá nhân, tổ chức và mọi chủ thể tham gia vào nền kinh tế thị trường đang được bình đẳng với nhau trước pháp luật. Về vấn đề này, bên cạnh những mặt tích cực, vẫn còn tồn tại không ít bất cập như không ít những nhà lãnh đạo và quản lý chưa thực sự coi quyền tự do kinh doanh là động lực quan trọng thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của kinh tế thị trường. Có một số người còn coi cạnh tranh giống như các hành vi tiêu cực như lừa đảo, kinh doanh chụp giật và do đó đã có những biện pháp chủ quan làm hạn chế, thậm chí tiêu diệt cạnh tranh. Nguyên nhân của tình trạng này thì có nhiều, nhưng một trong số nguyên nhân có thể kể ra là do công tác tuyển chọn cán bộ, trong đó có cán bộ lãnh đạo chưa được tường minh; do nhận thức, tư duy và do năng lực, trình độ, ý thức trách nhiệm và phẩm chất của một bộ phận không nhỏ những người có vai trò quyết định đối với việc xây dựng và thực thi thể

chế (Lương Xuân Quỳ, 2015).

Từ đây, tất yếu đặt ra yêu cầu phải nâng cao năng lực, trình độ và tăng cường ý thức trách nhiệm của những người có tính quyết định đối với việc hoạch định, hoàn thiện và thực thi thể chế, trong đó có thể chế kinh tế của Việt Nam; tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật về cạnh tranh nhằm đảm bảo, duy trì và phát triển môi trường cạnh tranh lành mạnh và hiệu quả, xoá bỏ những độc quyền phi lý với mục đích đưa lại lợi ích cho mỗi người, cho toàn xã hội và cho cộng đồng.

3.2.2. Nhóm giải pháp đổi mới thể chế kinh tế đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị.

Một là, đổi mới hệ thống chính trị phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế thị trường.

Trong hơn 30 năm đổi mới, thể chế kinh tế ở Việt Nam liên tục được đổi mới, điều chỉnh và hoàn thiện cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước. Tuy nhiên, đổi mới thể chế chính trị diễn ra rất chậm, thậm chí không còn phù hợp, gây ra các rào cản đối với việc xây dựng và đổi mới, hoàn thiện thể chế kinh tế và do đó làm giảm hiệu quả và làm chậm sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước nói chung. Vì vậy, việc tháo gỡ rào cản này đòi hỏi phải có đột phá trong đổi mới thể chế chính trị phù hợp với thể chế kinh tế.

Thể chế chính trị phù hợp với thể chế kinh tế sẽ tạo ra động lực to lớn thúc đẩy kinh tế - xã hội nước ta phát triển nhanh theo con đường hiện đại. Đổi mới thể chế chính trị, theo chúng tôi, không phải là thực hiện đa nguyên, đa đảng, mà là đổi mới bộ máy tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị cho phù hợp với tình hình thực tiễn của đất nước và xu thế phát triển chung của thời đại.

Có nhiều việc cần phải được triển khai đồng bộ, nghiêm túc nhằm thực hiện chủ trương gắn đổi mới thể chế kinh tế với đổi mới thể chế chính trị do Đảng đề ra. Trong đó, ngoài việc đổi mới tư duy, đổi mới vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò của Quốc hội và bộ máy chính quyền các cấp, thì việc đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống tổ chức chính trị và các tổ chức xã hội là đặc biệt quan trọng trong tình hình hiện nay. Theo đó, phải quyết liệt đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, Đảng không được làm thay Nhà nước và Quốc hội. Chúng tôi kiến nghị để phù hợp với xu hướng quốc tế và thực sự đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đã là Đảng cầm quyền thì cần thống nhất hai bộ máy tổ chức Đảng và Chính quyền. Theo đó, cần nhập các bộ phận cùng chức năng nhiệm vụ, đồng thời nên nhất thể hoá một số chức danh trong bộ máy của Đảng và Nhà nước (Ví dụ Tổng Bí thư kiêm Chủ tịch nước; Bí thư tỉnh uỷ kiêm Chủ tịch tỉnh v.v....). Sớm tiến tới việc thực hiện cơ chế cạnh tranh trong lựa chọn người đứng đầu đất nước, Bộ, ngành, địa phương; thực hiện thi tuyển các chức danh lãnh đạo. Chỉ có như vậy, chúng ta mới sớm tạo ra được đội ngũ lãnh đạo đất nước thực sự có tầm, có tâm đưa đất nước tiến lên, sánh vai với các cường quốc trên thế giới.

Hai là, đổi mới tổ chức hoạt động và nâng cao vai trò của các tổ chức xã hội.

Cùng với việc đổi mới thể chế chính trị như trên, tiếp đến việc đổi mới thể chế chính trị ở nước ta hiện nay cần tập trung vào việc chuyển các tổ chức chính trị, các đoàn thể xã hội, các hiệp hội nghề nghiệp sang hoạt động tự chủ. Theo chúng tôi, đối với các tổ chức thuộc hệ thống chính trị của nước ta hiện nay, trước hết không nên dùng tiền ngân sách nhà nước để chi trả cho mọi hoạt động của các tổ chức này, đồng thời cũng không coi đội ngũ cán bộ, nhân viên của các tổ chức này là công chức nữa. Các tổ chức chính trị phải chuyển dần sang tự trang trải lấy mọi chi phí hoạt động của tổ chức mình. Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các tổ chức này khi họ thực hiện các công việc do nhà nước yêu cầu.

3.2.3.Nhóm giải pháp đổi mới thể chế luật pháp, chính sách về kinh tế thị trường, bảo đảm tính minh bạch, nhất quán của hệ thống chính sách pháp luật

Một là, đổi mới phương thức xây dựng Luật của Quốc hội và xây dựngchính sách của các cơ quan của chính phủ.

Việc xây dựng Luật của Quốc hội và chính sách của Chính phủ ở Việt Nam, theo chúng tôi, đối với Luật và các chính sách lớn (chính sách có liên quan đến nhiều lĩnh vực, có ảnh hưởng lớn và tương đối lâu dài đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước), thì nên tập hợp các chuyên gia am hiểu (cả chuyên môn về luật và chuyên môn về ngành) thành một nhóm (dưới sự chỉ đạo của Quốc hội hoặc của Chính phủ, tùy trường hợp cụ thể). Nhóm này có chỗ làm việc, được cung cấp đầy đủ các tài liệu có liên quan và được giao nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng đối với việc biên soạn Luật, hay một chính sách nào đó. Khi Luật hoặc chính sách được các cơ quan có trách nhiệm thông qua, coi như nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ và tự giải thể; còn đối với một số luật kinh tế, nhất là những luật có liên quan đến các lĩnh vực: thương mại, thuế, tài chính, ngân hàng...là những lĩnh vực

các nước phát triển trên thế giới đã có rất nhiều kinh nghiệm trong xây dựng và thực thi, và đây cũng là những lĩnh vực đòi hỏi sự hội nhập quốc tế cao, chúng ta nên tham khảo Luật của các nước này để áp dụng phù hợp với điều kiện của nước ta.

Hai là, hoàn thiện thể chế các quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh và quyền tự do cạnh tranh, phát triển kinh tế tư nhân, các loại hình doanh nghiệp.

(i) Quyền sở hữu đối với tài sản của mọi thành phần kinh tế phải được tôn trọng và đảm bảo một cách dài hạn (vĩnh viễn). Cần thể chế hóa quyền tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013; Sửa đổi các quy định về đất đai cho phép nông dân chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa linh hoạt hơn để nâng cao thu nhập nhưng vẫn đảm bảo vững chắc an ninh lương thực trước mắt và lâu dài cho quốc gia; xác lập các thể chế thuận lợi hóa việc chuyển nhượng hoặc cho thuê quyền sử dụng đất theo hướng thúc đẩy tích tụ và tập trung ruộng đất tạo điều kiện phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn áp dụng công nghệ cao cũng như phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; minh bạch hóa việc cho thuê đất công, chống thất thoát, tham nhũng, lãng phí;

(ii) Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh và thực sự bình đẳng. Một nền kinh tế thị trường không có cạnh tranh sẽ không thể tồn tại và phát triển có hiệu quả;

(iii) Tạo môi trường tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà luật pháp không cấm.

Ba là, hoàn thiện chính sách, công cụ điều tiết thị trường, đảm bảo cạnh tranh và kiểm soát độc quyền; hoàn thiện thể chế phát triển hệ thống thị trường đồng bộ, hiện đại; hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

3.2.4. Nhóm giải pháp về đổi mới cơ cấu tổ chức, chức năng hoạt động và cơ chế vận hành của bộ máy nhà nước, nâng cao vai trò, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hoàn thiện nhà nước pháp quyền.

Theo đó, cần: (i) Xác định vai trò của Nhà nước trong quản lý phát triển kinh tế - xã hội; làm rõ mức độ can thiệp của Nhà nước vào kinh tế; gỡ bỏ các rào cản về thủ tục hành chính; tăng tính minh bạch trong thực thi các chính sách kinh tế và thực hiện các hình thức ưu đãi, bao cấp; (ii) Tăng cường năng lực của bộ máy hành chính; (iii) Phân biệt rõ các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong quản lý phát triển kinh tế - xã hội; (iv)Tăng cường phân cấp và phối hợp trong quản lý phát triển kinh tế - xã hội giữa cơ quan nhà nước các cấp; (V) Tăng cường trách nhiệm giải trình của Nhà nước đối với doanh nghiệp và người dân. Mở rộng sự tham gia của doanh nghiệp và người dân vào quá trình hoạch định chính sách để đảm bảo sự đồng bộ giữa chính sách và chương trình của Nhà nước với nhu cầu và mong muốn của doanh nghiệp và người dân.

3.2.5. Nhóm giải pháp về môi trường kinh doanh và tăng cường vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế thị trường.

Cần xác định đúng vai trò của các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế và có chính sách phù hợp đối với từng chủ thể;

Tạo lập môi trường tham gia hoạt động kinh tế thuận lợi cho các chủ thể hoạt động trong nền kinh tế thực hiện tốt quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh và quyền tự do cạnh tranh;

Tạo điều kiện cho các chủ thể tiếp cận các nguồn lực kinh doanh; gỡ bỏ các thủ tục hành chính; tự do hóa các công cụ điều tiết thị trường;

Trao quyền cho các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và người dân trong việc tham gia hoạch định và thực thi các chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Tài liệu tham khảo:

Lê Du Phong& Lê Huỳnh Mai (2018), 'Các rào cản thể chế kinh tế và ảnh hưởng của nó đến phát triển kinh tế- xã hội Việt Nam hiện nay', Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia *Thể chế với phát triển kinh tế ở Việt Nam*, NXB. Đại học kinh tế quốc dân.

Lương Xuân Qùy & Đỗ Đức Bình (2010), *Thể chế kinh tế của nhà nước trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ở Việt Nam*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Lương Xuân Qùy (2015), *Tư duy mới về phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.